

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **932/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 15-10-2019
V/v “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Thanh

2. Bà Lê Thị Sao

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1135/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Mỹ H., sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng Kh., sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số X2, đường Y2, phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Mỹ H. có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Hoàng Kh. vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/8/2018, bản tự khai và các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H. trình bày:

Bà Huỳnh Thị Mỹ H. và ông Nguyễn Hoàng Kh. chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn 94, quyển số 01, ngày 04/12/2006). Sau khi kết hôn cả hai chung sống tại nhà số X2, đường Y2, phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về tính cách, lối sống, về cách chăm sóc con cái; và do ông Kh. có tình cảm với một người phụ nữ bên ngoài. Bà H. đã cố gắng nói chuyện và hàn gắn nhưng ông Kh. vẫn không chịu thay đổi. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc với ông Kh. nên bà Huỳnh Thị Mỹ H. yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Kh..

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ H. xác nhận bà và ông Nguyễn Hoàng Kh. có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Huỳnh A., sinh ngày 20/9/2013. Khi ly hôn, bà Huỳnh Thị Mỹ H. yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H. yêu cầu ông Kh. cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà H. xác nhận bà H. và ông Kh. không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Bà H. xác nhận bà và ông Kh. không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Hoàng Kh. vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Kh. vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu ý kiến:

- Về pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự và thu thập đầy đủ chứng cứ tại Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 68; Điều 69; khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn tổng đạt văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 171; Điều 173 và Điều 220

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Kh. đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án là tự nguyện tự chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H.. Bà Huỳnh Thị Mỹ H. được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Kh.. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Huỳnh A., sinh ngày 20/9/2013 cho bà Huỳnh Thị Mỹ H. trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Kh. phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.500.000 đồng mỗi tháng cho tới khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Về tài sản chung: Bà H. khai không có nên không xét. Về nợ chung: Bà H. khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 94, quyển số 01, ngày 04/12/2006 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, thì quan hệ giữa bà Huỳnh Thị Mỹ H. và ông Nguyễn Hoàng Kh. là quan hệ hôn nhân được pháp luật công nhận.

Tại phiếu yêu cầu xác minh ngày 04/3/2019, Công an phường Z2., quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận đương sự Nguyễn Hoàng Kh., sinh năm 1980 có hộ khẩu thường trú tại số X2, đường Y2, phường Z2., quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 3 năm 2012 đến nay và hiện ông Kh. đang cư ngụ tại địa chỉ trên. Bà Huỳnh Thị Mỹ H. nộp đơn khởi kiện (về việc ly hôn) tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:

Ông Nguyễn Hoàng Kh. đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn không đến Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hoàng Kh..

[3] Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H., căn cứ vào công văn trả lời của Hội Liên Hiệp Phụ Nữ phường Phú TH., quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh về xác minh mâu thuẫn giữa các đương sự tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Huỳnh Thị Mỹ H. và ông Nguyễn Hoàng Kh. có mâu thuẫn về tính cách, lối sống, về chăm sóc con cái; và do ông Kh. có tình cảm với một người phụ nữ bên ngoài nên tình cảm giữa bà H. và ông Kh. ngày càng lạnh nhạt. Mâu thuẫn giữa bà H. và ông Kh. ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên từ đầu năm 2019 bà H. cùng con Nguyễn Ngọc Huỳnh A. ra ở trọ tại số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Trẻ Nguyễn Ngọc Huỳnh A. buổi sáng ở bên nhà ông Kh. và buổi tối về ở với mẹ.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Hoàng Kh. vẫn không đến và không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án. Việc này thể hiện bị đơn ông Nguyễn Hoàng Kh. đã không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H..

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ H. xác nhận bà và ông Nguyễn Hoàng Kh. có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Huỳnh A., sinh ngày 20/9/2013. Khi ly hôn, bà Huỳnh Thị Mỹ H. yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà H. yêu cầu ông Kh. cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng, cấp dưỡng vào ngày đầu mỗi tháng bắt đầu từ tháng 12/2019 cho đến khi con chung trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ Nguyễn Ngọc Huỳnh A. là con gái và còn nhỏ tuổi, do đó cần giao trẻ Nguyễn Ngọc Huỳnh A., sinh ngày 20/9/2013 cho bà Huỳnh Thị Mỹ H. trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, đảm bảo.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu cấp dưỡng của bà H. là có cơ sở và phù hợp nên chấp nhận. Do đó, ông Nguyễn Hoàng Kh. phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc Huỳnh A., sinh ngày 20/9/2013 mỗi tháng 2.500.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày đầu mỗi tháng, bắt đầu kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ H. xác nhận bà và ông Nguyễn Hoàng Kh. không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về các vấn đề khác: Bà Huỳnh Thị Mỹ H. xác nhận bà và ông Nguyễn Hoàng Kh. không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Giành quyền khởi kiện về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung cho bị đơn ông Nguyễn Hoàng Kh. trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Huỳnh Thị Mỹ H. phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Nguyễn Hoàng Kh. phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 177; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí và Lệ phí năm 2016; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H..

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ H. được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Kh..

Giấy chứng nhận kết hôn 94, quyển số 01, ngày 04/12/2006 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Huỳnh Thị Mỹ H. và ông Nguyễn Hoàng Kh. không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Huỳnh A., sinh ngày 20/9/2013 cho bà Huỳnh Thị Mỹ H. trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Hoàng Kh. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc Huỳnh A., sinh ngày 20/9/2013 với số tiền 2.500.000 đồng mỗi tháng, cấp dưỡng vào ngày đầu mỗi tháng, bắt đầu kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành.

+ Ông Kh. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà H., nếu ông Kh. không thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[4] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ H. xác nhận bà và ông Nguyễn Hoàng Kh. không có tài sản chung.

[5] Về các vấn đề khác: Bà Huỳnh Thị Mỹ H. xác nhận bà và ông Nguyễn Hoàng Kh. không có nợ chung.

Giành quyền khởi kiện về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung cho bị đơn ông Nguyễn Hoàng Kh. trong vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Huỳnh Thị Mỹ H. phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0012133 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị Mỹ H. đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Nguyễn Hoàng Kh. phải nộp.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ

ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Tô Thị Ngọc Phụng